ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2032/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 21 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản Dự án Hoàn thiện và hiện đại hóa quản lý đất đai Việt Nam (VLAP) khi Dự án kết thúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 06/2011/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Hưng Yên; số 25/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 về việc sửa đổi Mục a, Khoản 2, Điều 6, Chương 2 Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 09/3/2011;

Căn cứ Công văn số 4492/BTNMT-TC ngày 11/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xử lý tài sản dự án kết thúc "Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai Việt Nam (VLAP)";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 120/TTr-STC ngày 24/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án xử lý tài sản Dự án Hoàn thiện và hiện đại hóa quản lý đất đai Việt Nam (VLAP) khi Dự án kết thúc, chi tiết như sau:

1. Điều chuyển tài sản (xe ô tô HYUNDAI SANTAFE 07 chỗ ngồi, biển kiểm soát 89B-3145) phục vụ công tác quản lý dự án của Ban Quản lý dự án VLAP giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, sử dụng phục vụ công tác chung.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01).

2. Điều chuyển tài sản (tài sản cố định khác không phải là nhà, đất, xe ô tô) phục vụ công tác quản lý dự án của Ban Quản lý dự án VLAP giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, sử dụng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 02).

3. Điều chuyển tài sản (tài sản cố định khác không phải là nhà, đất, xe ô tô) tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và 06 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố có triển khai dự án (để sử dụng và triển khai thực hiện dự án) giao cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và 06 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố nêu trên quản lý, sử dụng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 03).

4. Điều chuyển tài sản (tài sản cố định khác không phải là nhà, đất, xe ô tô) tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có triển khai dự án (để sử dụng và triển khai thực hiện dự án) giao cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nêu trên quản lý, sử dụng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 04).

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị tổ chức giao, nhận, hạch toán, báo cáo tài sản; quản lý và sử dụng tài sản theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 Quyết định này và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV: TH[C].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Đặng Ngọc Quỳnh

Phụ lục số 01

DANH MỤC TÀI SẢN LÀ XE Ô TÔ
GIAO CHO SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 2032 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Tài sản	Nhãn Hiệu	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Dung tích xi lanh	Nguồn hình thành	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	*Nguồn ODA*	*Nguồn viện trợ phi CP*	*Nguồn khác*	
Dự án VLAP														
Xe ô tô Santanfe	Hyundai Santafe	89A-3145	07 chỗ	Hàn Quốc	2010	2010	2.4L	IDA	1.174.873.700		1.174.873.700			509.072.774
Tổng cộng									**1.174.873.700**		**1.174.873.700**			**509.072.774**

Phụ lục số 02

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (KHÔNG PHẢI LÀ NHÀ, ĐẤT, XE Ô TÔ)
GIAO CHO SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 2032 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến ngày 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
	Ban Quản lý dự án VLAP										**783.514.997**	-	-	**106.882.850**
1	Máy tính bàn Dell Vostro 200 MT	Vostro 200 MT	Malaysia		2009	IDA	12	16.241.875	194.902.500		194.902.500			-
2	Máy tính để bàn FPT ELEAD	T127i	Việt Nam		2015	IDA	5	19.937.500	99.687.500		99.687.500			79.750.000
3	Máy tính sách tay Sony vaio VGN - CS19	VGN - CS19	USA		2009	IDA	6	26.577.615	159.465.690		159.465.690			-
4	Máy photo Canon IR 3530	IR 3530	Trung Quốc		2009	IDA	1	115.888.745	115.888.745		115.888.745			-
5	Ổn áp Lioa SH - 30000	SH - 30000	Việt Nam		2009	IDA	1	20.671.820	20.671.820		20.671.820			-
6	Máy chiếu LCD Sony VPL - CX21	VPL - CX21	Nhật		2009	IDA	2	20.822.920	41.645.840		41.645.840			-
7	Điều hoà nhiệt độ DAIKIN 18000 BTU		Thái Lan		2009	IDA	2	18.275.000	36.550.000		36.550.000			9.137.500
8	Máy in A3 HPLaser Jet P2015D Printer	P2015D	Trung Quốc		2009	IDA	1	23.842.690	23.842.690		23.842.690			-

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến ngày 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
9	Máy in A4 HPLaser Jet P2015D Printer	P2015D	Trung Quốc		2009	IDA	2	7.945.150	15.890.300		15.890.300			-
10	Máy ảnh Canon IXUS 860	IXUS 860	Nhật		2009	IDA	2	6.544.346	13.088.692		13.088.692			-
11	Máy scan A4 HP Scanjet G4050 Photo	G4050	Trung Quốc		2009	IDA	1	5.390.520	5.390.520		5.390.520			-
12	Bàn làm việc loại lớn		Taiwan		2009	IDA	3	6.500.000	19.500.000		19.500.000			4.875.000
13	Ghế xoay nâng hạ thuỷ lực		Taiwan		2009	IDA	3	5.000.000	15.000.000		15.000.000			3.750.000
14	Tủ tài liệu loại lớn		Taiwan		2009	IDA	1	6.500.000	6.500.000		6.500.000			1.625.000
15	Nhà xe				2010	IDA	1	15.490.700	15.490.700		15.490.700			7.745.350
	Tổng Cộng								**783.514.997**		**783.514.997**	-	-	**106.882.850**

Phụ lục số 03

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (KHÔNG PHẢI LÀ NHÀ, ĐẤT, XE Ô TÔ) GIAO CHO VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 2052 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
I	**Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh**						**69**		**4.130.672.614**		**4.130.672.614**			**2.134.380.911**
1	Máy tính để bàn điều khiển hệ thống : FPT ELEAD T125i	T125i	Việt Nam		2015	IDA	1	15.741.000	15.741.000		15.741.000			12.592.800
2	Máy tính xách tay HP Probook 4431s	CNU2120N8T	Trung Quốc	2011	2012	IDA	2	31.348.914	62.697.828		62.697.828			25.079.130
3	Máy photocopy A3: Canon 2525	Canon IR2525	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	76.776.777	76.776.777		76.776.777			30.710.712
4	Lưu điện cho máy chủ APC Smart UPS 3000 VA	APC/ SUA3000 RMI2U	Philippines		2012	IDA	2	22.293.579	44.587.158		44.587.158			17.834.862
5	Bộ ổn áp LIOA 15KVA 1phase	1201180010	Việt Nam	2011	2012	IDA	1	11.011.635	11.011.635		11.011.635			4.404.654
6	Điều hòa không khí LG S18EN1 18200 BTU	LG S18EN1	Thái Lan	2011	2012	IDA	4	13.414.632	53.658.528		53.658.528			21.463.410
7	Máy in A3 HP LaserJet 5200 printer	Q7543A	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	28.082.304	28.082.304		28.082.304			11.232.921

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
8	Máy in A4 HP LaserJet P2055dn Printer	P2055dn	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	9.510.049	9.510.049		9.510.049			3.804.019
9	Máy in A0: HP Designjet	T1300	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	183.562.379	183.562.379		183.562.379			73.424.951
10	Bộ định tuyến cho Huyện Cisco 888 Router	Cisco 888 Router	Trung Quốc	2012	2012	IDA	1	73.288.160	73.288.160		73.288.160			29.315.264
11	Chuyển mạch quang cho các tỉnh : Cisco MDS9124	Cisco MDS9124	Trung Quốc		2012	IDA	2	34.353.825	68.707.650		68.707.650			27.483.060
12	Thiết bị chuyển mạch 24 cổng cho Tỉnh: Cisco Catalyst 2960	Cisco Catalyst 2960	Trung Quốc	2012	2012	IDA	2	57.256.375	114.512.750		114.512.750			45.805.100
13	Máy GPS Pentax G3100-R2	G3100-R2	Bi-Trung Quốc		2012	IDA	1	717.585.000	717.585.000		717.585.000			574.068.000
14	Tường lửa cho Tỉnh Check Point 4610				2012	IDA	1	435.148.450	435.148.450		435.148.450			174.059.380
15	Hệ thống lưu trữ cho tỉnh : HP Storage Works 4400	HP Storage Works 4400	Trung Quốc		2012	IDA	1	458.051.000	458.051.000		458.051.000			183.220.000
16	Thiết bị điều khiển máy chủ Altusen KL9108	Altusen KL9108	Taiwan		2012	IDA	1	59.546.630	59.546.630		59.546.630			23.818.652

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
17	Máy chủ cơ sở dữ liệu cho Tinht: HP ProLiant DL380 Generation 7	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	2	183.220.400	366.440.800		366.440.800			146.576.320
18	Máy chủ dự phòng cho tinh HP ProLiant DL380 Generation7	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	1	114.512.750	114.512.750		114.512.750			45.805.100
19	Máy chủ quản trị HP ProLiant DL380 Genèation 7	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	1	114.512.750	114.512.750		114.512.750			45.805.100
20	Máy in mã vạch Sato CG412	Sato CG412	Việt Nam	2011	2112	IDA	1	16.353.664	16.353.664		16.353.664			6.541.565
21	Máy toàn đạc điện tử Pentax R-2502N	Pentax R-2502N	Trung Quốc		2015	IDA	1	172.315.000	172.315.000		172.315.000			137.852.000
22	Máy quét A3 Plustek SN 8016U	529247000047	Trung Quốc		2014	IDA	2	65.000.000	130.000.000		130.000.000			78.000.000
23	Bàn phím điều khiển tại quầy	QMAN-SCU-CB6	Việt Nam		2015	IDA	5	4.216.300	21.081.500		21.081.500			16.865.251
24	Bàn phím bầu chọn chất lượng phục vụ	QMAN-SVU-VB6	Việt Nam		2015	IDA	5	3.187.800	15.939.000		15.939.000			12.751.200
25	Bộ chia tín hiệu splitter	Splitter110	Việt Nam		2015	IDA	2	4.268.000	8.536.000		8.536.000			6.828.800
26	Máy trạm Workstation HP Z210	HP Z210	Trung Quốc		2012	IDA	12	27.976.930	335.723.160		335.723.160			134.289.264

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
27	Hệ thống xếp hàng tự động	SmartQMAN	Việt Nam		2015	IDA	1	9.900.000	9.900.000		9.900.000			7.920.000
28	Đầu đọc mã vạch đa tia	ATS1400	Taiwan		2015	IDA	1	5.707.900	5.707.900		5.707.900			4.566.320
29	Bảng hiển thị trung tâm: QMAN-CDU-7s	QMAN-CDU-7s	Việt Nam		2015	IDA	1	10.798.700	10.798.700		10.798.700			8.638.960
30	Bảng hiển thị tại quầy	QMAN-SDU-7s	Việt Nam		2015	IDA	5	5.296.500	26.482.500		26.482.500			21.186.000
31	Trạm cấp vé tự động	QMAN-TBU-M15	Việt Nam		2015	IDA	1	43.093.600	43.093.600		43.093.600			34.474.880
32	Âm thanh: Microlab X2	Microlab X2	Trung Quốc		2015	IDA	1	9.181.700	9.181.700		9.181.700			7.345.360
33	Vật tư lắp đặt		Việt Nam		2015	IDA	1	3.496.900	3.496.900		3.496.900			2.797.520
34	Nâng cấp văn phòng Đăng ký QSDĐ cấp tỉnh		Việt Nam		2011	IDA	1	247.761.000	247.761.000		247.761.000			123.880.500
35	Hệ điiêù hành : Microsoft Windows Server 2008 R2		USA		2012	IDA	1	47.887.150	47.887.150		47.887.150			19.154.860
36	Phần mềm điều khiển hệ thống	XPSuite 1.7.3	Việt Nam		2015	IDA	1	18.481.245	18.481.245		18.481.245			14.784.996

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
II	**Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Hưng Yên**					IDA	**48**		**1.285.782.165**		**1.285.782.165**	**-**	**-**	**678.043.332**
1	Máy tính để bàn điều khiển hệ thống : FPT ELEAD T125i	T125i	Việt Nam		2015	IDA	1	15.741.000	15.741.000		15.741.000			12.592.800
2	Máy tính xách tay HP Probook 4431s	CNU2120N8T	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	31.348.914	31.348.914		31.348.914			12.539.565
3	Máy photocopy A3 Canon IR2525	Canon IR2525	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	76.776.777	76.776.777		76.776.777			30.710.712
4	Lưu điện cho máy chủ UPS 3000VA	APC/ SUA3000 RMI2U	Philippines		2012	IDA	1	22.293.579	22.293.579		22.293.579			8.917.431
5	Máy điều hòa không khí LG S18EN1 18200BTU	LG S18EN1	Thái Lan	2011	2012	IDA	2	13.414.632	26.829.264		26.829.264			10.731.705
6	Máy in A3 HP Laser Jet5200	HP Laser Jet520	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	28.082.304	28.082.304		28.082.304			11.232.921
7	Máy in A4 HP Laser Jet P2055dn	P2055dn	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	9.510.049	9.510.049		9.510.049			3.804.019
8	Bộ định tuyến Cisco 888 Router	Cisco 888 Router	Trung Quốc	2012	2012	IDA	1	16.031.785	16.031.785		16.031.785			6.412.714

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
9	Thiết bị chuyển mã vạch 24 cổng Cisco catalyst 2960	Cisco catalyst 2960	Trung Quốc	2012	2012	IDA	1	57.256.375	57.256.375		57.256.375			22.902.550
10	Tủ rack và thiết bị điều khiển máy chủ		Việt Nam	2012	2012	IDA	1	59.546.630	59.546.630		59.546.630			23.818.652
11	Máy chủ cơ sở dữ liệu dự phòng cho huyện: HP ProLiant DL380	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	1	125.964.025	125.964.025		125.964.025			50.385.610
12	Máy chủ cơ sở dữ liệu cho huyện : HP ProLiant	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	1	125.964.025	125.964.025		125.964.025			50.385.610
13	Máy in mã vạch Sato CG412	Sato CG412	Việt Nam	2011	2012	IDA	1	16.353.664	16.353.664		16.353.664			6.541.565
14	Hệ thống xếp hàng tự động	SmartQMAN	Việt Nam		2015	IDA	1	9.900.000	9.900.000		9.900.000			7.920.000
15	Đầu đọc mã vạch đa tia	ATS1400	Taiwan		2015	IDA	1	5.707.900	5.707.900		5.707.900			4.566.320
16	Máy toàn đạc điện tử Pentax R2505N	Pentax R2505N	Trung Quốc		2015	IDA	1	156.136.000	156.136.000		156.136.000			124.908.800
17	Máy quét A3 Plustek SN 8016U		Trung Quốc		2014	IDA	1	65.000.000	65.000.000		65.000.000			39.000.000
18	Máy quét A3 Plustek SN 8016U	52924A000062	Trung Quốc		2015	IDA	1	64.500.000	64.500.000		64.500.000			38.700.000

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
19	Bàn phím điều khiển tại quầy	QMAN-SCU-CB6	Việt Nam		2015	IDA	5	4.216.300	21.081.500		21.081.500			16.865.251
20	Bàn phím bầu chọn chất lượng phục vụ	QMAN-SVU-VB6	Việt Nam		2015	IDA	5	3.187.800	15.939.000		15.939.000			12.751.200
21	Bộ chia tín hiệu splitter	Splitter110	Việt Nam		2015	IDA	2	4.268.000	8.536.000		8.536.000			6.828.800
22	Máy trạm Workstation HP Z210 Workstations	HP Z210	Trung Quốc		2012	IDA	6	27.976.930	167.861.579		167.861.579			67.144.631
23	Bảng hiển thị trung tâm: QMAN-CDU-7s	QMAN-CDU-7s	Việt Nam		2015	IDA	1	10.798.700	10.798.700		10.798.700			8.638.960
24	Bảng hiển thị tại quầy	QMAN-SDU-7s	Việt Nam		2015	IDA	5	5.296.500	26.482.500		26.482.500			21.186.000
25	Trạm cấp vé tự động	QMAN-TBU-M15	Việt Nam		2015	IDA	1	43.093.600	43.093.600		43.093.600			34.474.880
26	Âm thanh: Microlab X2	Microlab X2	Trung Quốc		2015	IDA	1	9.181.700	9.181.700		9.181.700			7.345.260
27	Vật tư lắp đặt		Việt Nam		2015	IDA	1	3.496.900	3.496.900		3.496.900			2.797.520
28	Hệ điều hành Microsoft Windows server 2008 R2 Enterprise Edition				2012	IDA	1	47.887.150	47.887.150		47.887.150			19.154.860

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
29	Phần mềm điều khiển hệ thống	XPSuite 1.7.3	Việt Nam		2015	IDA	1	18.481.245	18.481.245		18.481.245			14.784.996
III	**Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Kim Động**					IDA	**48**		**1.285.782.165**		**1.285.782.165**	-	-	**678.043.432**
1	Máy tính để bàn điều khiển hệ thống : FPT ELEAD T125i	T125i	Việt Nam		2015	IDA	1	15.741.000	15.741.000		15.741.000			12.592.800
2	Máy tính xách tay HP Probook 4431s	CNU2120N8T	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	31.348.914	31.348.914		31.348.914			12.539.565
3	Máy photocopy A3: Canon 2525	Canon IR2525	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	76.776.777	76.776.777		76.776.777			30.710.712
4	Lưu điện cho máy chủ APC Smart -UPS 3000VA	APC/ SUA3000RMI2U	Philippines		2012	IDA	1	22.293.579	22.293.579		22.293.579			8.917.431
5	Điều hòa không khí LG S18EN1 18200 BTU	LG S18EN1	Thái Lan	2011	2012	IDA	2	13.414.632	26.829.264		26.829.264			10.731.705
6	Máy in A3 HP LaserJet 5200 printer	HP LaserJet 5200	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	28.082.304	28.082.304		28.082.304			11.232.921
7	Máy in A4 HP LaserJet P2055dn Printer	P2055dn	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	9.510.049	9.510.049		9.510.049			3.804.019

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
8	Bộ định tuyến cho Huyện Cisco 888 Router	Cisco 888 Router	Trung Quốc	2012	2012	IDA	1	16.031.785	16.031.785		16.031.785			6.412.714
9	Thiết bị chuyển mạch 24 cổng cho huyện : Cisco Catalýt 2960-S	Cisco Catalýt 2960-S	Trung Quốc	2012	2012	IDA	1	57.256.375	57.256.375		57.256.375			22.902.550
10	Tủ rack và thiết bị điều khiển máy chủ cho huyện		Việt Nam	2012	2012	IDA	1	59.546.630	59.546.630		59.546.630			23.818.652
11	Máy chủ cơ sở dữ liệu dự phòng cho huyện: HP ProLiant DL380	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	1	125.964.025	125.964.025		125.964.025			50.385.610
12	Máy chủ cơ sở dữ liệu cho huyện : HP ProLiant	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	1	125.964.025	125.964.025		125.964.025			50.385.610
13	Máy in mã vạch Sato CG412	Sato CG412	Việt Nam	2011	2012	IDA	1	16.353.664	16.353.664		16.353.664			6.541.565
14	Máy toàn đạc điện tử Pentax R-2505N	Pentax R-2505N	Trung Quốc		2015	IDA	1	156.136.000	156.136.000		156.136.000			124.908.800
15	Máy quét A3 Plustek SN 8016U	529247000128	Trung Quốc		2014	IDA	1	65.000.000	65.000.000		65.000.000			39.000.000
16	Máy quét Plustek SN8016U	52924A000224	Trung Quốc		2015	IDA	1	64.500.000	64.500.000		64.500.000			38.700.000

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
17	Đầu đọc mã vạch đa tia	ATS1400	Taiwan		2015	IDA	1	5.707.900	5.707.900		5.707.900			4.566.320
18	Hệ thống xếp hàng tự động	SmartQMAN	Việt Nam		2015	IDA	1	9.900.000	9.900.000		9.900.000			7.920.000
19	Máy trạm Workstation HP Z210 Workstations	HP Z210	Trung Quốc		2012	IDA	6	27.976.930	167.861.579		167.861.579			67.144.631
20	Bảng hiển thị trung tâm: QMAN-CDU-7s	QMAN-CDU-7s	Việt Nam			IDA	1	10.798.700	10.798.700		10.798.700			8.638.960
21	Bảng hiển thị tại quầy	QMAN-SDU-7s	Việt Nam			IDA	5	5.296.500	26.482.500		26.482.500			21.186.000
22	Bàn phím điều khiển tại quầy	QMAN-SCU-CB6	Việt Nam			IDA	5	4.216.300	21.081.500		21.081.500			16.865.251
23	Bàn phím bầu chọn chất lượng phục vụ	QMAN-SVU-VB6	Việt Nam		2015	IDA	5	3.187.800	15.939.000		15.939.000			12.751.200
24	Bộ chia tín hiệu splitter	Splitter110	Việt Nam		2015	IDA	2	4.268.000	8.536.000		8.536.000			6.828.800
25	Trạm cấp vé tự động	QMAN-TBU-M15	Việt Nam		2015	IDA	1	43.093.600	43.093.600		43.093.600			34.474.880
26	Âm thanh: Microlab X2	Microlab X2	Trung Quốc		2015	IDA	1	9.181.700	9.181.700		9.181.700			7.345.360
27	Vật tư lắp đặt		Việt Nam		2015	IDA	1	3.496.900	3.496.900		3.496.900			2.797.520

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
28	Hệ điiêù hành : Microsoft Windows Server 2008 R2		USA		2015	IDA	1	47.887.150	47.887.150		47.887.150			19.154.860
29	Phần mềm điều khiển hệ thống	XPSuite 1.7.3	Việt Nam		2015	IDA	1	18.481.245	18.481.245		18.481.245			14.784.996
IV	**Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phù Cừ**					IDA	**48**		**1.285.782.165**		**1.285.782.165**	-	-	**678.043.432**
1	Máy tính để bàn điều khiển hệ thống : FPT ELEAD T125i	T125i	Việt Nam		2015	IDA	1	15.741.000	15.741.000		15.741.000			12.592.800
2	Máy tính xách tay HP Probook 4431s	CNU2120N8T	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	31.348.914	31.348.914		31.348.914			12.539.565
3	Máy photocopy A3: Canon 2525	Canon IR2525	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	76.776.777	76.776.777		76.776.777			30.710.712
4	Lưu điện cho máy chủ APC Smart -UPS 3000VA	APC/ SUA3000RMI2U	Philippines		2012	IDA	1	22.293.579	22.293.579		22.293.579			8.917.431
5	Điều hòa không khí LG S18EN1 18200 BTU	LG S18EN1	Thái Lan	2011	2012	IDA	2	13.414.632	26.829.264		26.829.264			10.731.705
6	Máy in A3 HP LaserJet 5200 printer	HP LaserJet 5200	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	28.082.304	28.082.304		28.082.304			11.232.921

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
7	Máy in A4 HP LaserJet P2055dn Printer	P2055dn	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	9.510.049	9.510.049		9.510.049			3.804.019
8	Bộ định tuyến cho Huyện Cisco 888 Router	Cisco 888 Router	Trung Quốc	2012	2012	IDA	1	16.031.785	16.031.785		16.031.785			6.412.714
9	Thiết bị chuyển mạch 24 cổng cho huyện : Cisco Catalýt 2960-S	Cisco Catalýt 2960-S	Trung Quốc	2012	2012	IDA	1	57.256.375	57.256.375		57.256.375			22.902.550
10	Tủ rack và thiết bị điều khiển máy chủ cho huyện		Việt Nam	2012	2012	IDA	1	59.546.630	59.546.630		59.546.630			23.818.652
11	Máy chủ cơ sở dữ liệu dự phòng cho huyện: HP ProLiant DL380	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	1	125.964.025	125.964.025		125.964.025			50.385.610
12	Máy chủ cơ sở dữ liệu cho huyện : HP ProLiant	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	1	125.964.025	125.964.025		125.964.025			50.385.610
13	Máy in mã vạch Sato CG412	Sato CG412	Việt Nam	2011	2012	IDA	1	16.353.664	16.353.664		16.353.664			6.541.565
14	Máy toàn đạc điện tử Pentax R-2505N	Pentax R-2505N	Trung Quốc		2015	IDA	1	156.136.000	156.136.000		156.136.000			124.908.800